

**Phụ lục XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng**  
**Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value**

(Ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính)  
(Promulgated with the Circular 98/2020/TT-BTC on November 16th, 2020 of Ministry of Finance)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước**  
*To: - State Securities Commission of Vietnam*

- |    |                                                                    |                                                                                                                                                                           |
|----|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. | <b>Tên Công ty quản lý quỹ:</b><br><i>Fund Management Company:</i> | <b>Công ty cổ phần Quản lý Quỹ HD</b><br><b>HD Fund Management Joint Stock Company</b>                                                                                    |
| 2. | <b>Tên Ngân hàng giám sát:</b><br><i>Supervising bank:</i>         | <b>Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa</b><br><i>Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch</i> |
| 3. | <b>Tên Quỹ:</b><br><i>Fund name:</i>                               | <b>Quỹ Đầu tư cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính HD</b><br><b>HD Banking and Finance Equity Fund</b>                                                                         |
| 4. | <b>Kỳ báo cáo:</b><br><i>Reporting Period:</i>                     | <b>16/08/2026</b><br><i>16-Aug-2026</i>                                                                                                                                   |
| 5. | <b>Ngày lập báo cáo:</b><br><i>Reporting Date:</i>                 | <b>17/08/2026</b><br><i>17-Aug-2026</i>                                                                                                                                   |

**Đối với quỹ định giá hàng ngày/For Fund with daily valuation**

Unit: VND

| STT<br>NO | CHỈ TIÊU<br>CRITERIA                                                                                                                | KỲ BÁO CÁO NÀY<br>THIS PERIOD<br>16/08/2026 | KỲ BÁO CÁO TRƯỚC<br>LAST PERIOD<br>13/08/2026 |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1         | Giá trị tài sản ròng<br>Net Asset Value                                                                                             |                                             |                                               |
| 1.1       | của quỹ/per Fund                                                                                                                    | 199,846,232,895                             | 199,872,209,505                               |
| 1.2       | của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate                                                                                          | 9,991.24                                    | 9,992.54                                      |
| 2         | Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết)<br>Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable for listed fund) |                                             |                                               |
| 2.1       | Số lượng chứng chỉ quỹ/Number of Fund Certificates                                                                                  | -                                           | -                                             |
| 2.2       | Tổng giá trị/Total value                                                                                                            | -                                           | -                                             |
| 2.3       | Tỷ lệ sở hữu/Ownership Ratio                                                                                                        | 0.00%                                       | 0.00%                                         |

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
*Authorised Representative of Supervisory Bank*

**Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ**  
*Authorised Representative of Fund Management Company*

**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN**  
**CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa**  
**Nguyễn Thị Minh Châu**  
**Phó Giám đốc Chi nhánh**

**Công ty cổ phần Quản lý Quỹ HD**  
**Nguyễn Thành Long**  
**Tổng Giám Đốc**